

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH,
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 12/2018/HSST

Ngày 27-3-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nho Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Điệp

2. Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Thức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Hồng Q, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1963; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Phạm M (Chết) và bà Lê Thị L (Chết); vợ Trần Thị T, sinh năm 1966 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1992 và nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng Q: ông Trịnh Văn H – trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Huỳnh Thanh T, sinh năm 1993; trú tại: Khối 2, thị trấn N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Huỳnh Ngọc Q, sinh năm 1995 (có mặt).

+ Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

+ Lê Quang T, sinh năm 1997; trú tại: thôn L, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

+ Phạm Đình D, sinh năm 1997 (vắng mặt).

+ Nguyễn Đức Quý A, sinh năm 2000 (có mặt).

+ Võ Văn C, sinh năm 1997 (vắng mặt).

+ Đặng Hữu T, sinh năm 1988 (có mặt).

+ Nguyễn Thành C, sinh năm 1995 (có mặt).

Cùng trú tại: khối 5, thị trấn N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

+ Trần Anh B, sinh năm 1999 (có mặt).

Trú tại: thôn T, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lúc 08 ngày 21/4/2017 tại trụ sở công an xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình làm việc với Phạm Hồng Q thì Công an huyện Núi Thành phát hiện Q mang theo trong người một túi ni lông màu vàng nhãn hiệu FMSTYLE, bên trong có nhiều lá cây khô cắt nhỏ (giống cỏ khô), Q khai nhận là ma túy dạng cỏ nên Công an huyện Núi Thành lập biên bản và tạm giữ để điều tra, xác minh làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số 285/C54C(Đ4), ngày 10/5/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận tang vật thu giữ của Phạm Hồng Q không tìm thấy các chất ma túy thường gặp và có tìm thấy thành phần chất AMB-FUBINACA; trọng lượng mẫu 7,513 gam.

AMB - FUBINACA là một loại Cần sa tổng hợp (có tác dụng tương tự hoạt chất Delta9-THC có trong cần sa), hiện không nằm trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ Việt Nam ban hành.

Quá trình điều tra, xác định được:

Vào khoảng cuối năm 2014, Phạm Hồng Q quen biết với một đối tượng tên T ở Nghệ An (chưa xác định được lai lịch). T có nói với Q là có ma túy cỏ nên Q đã mua của T nhiều lần (khoảng 15 lần), mỗi lần là 1.000.000 đồng. Khi mua về Q trộn với thuốc lá điếu rồi dùng giấy mỏng quấn lại để hút. Ngoài việc sử dụng, Q còn bán lại cho nhiều đối tượng khác với số tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng tại nhà ở của mình. Q ý thức được loại cỏ Q mua về để sử dụng và bán lại là chất ma túy vì khi sử dụng gây ảo giác, lờn lờn và muốn sử dụng, khi bán thì lén lút vì sợ bị bắt nhưng vì để có tiền mua lại nên Q vẫn lén lút bán lại để kiếm lời, trong thời gian từ cuối năm 2014 đến tháng 4 năm 2017 thì Phạm Hồng Q đã bán nhiều lần cho các đối tượng sau:

- Bán cho Huỳnh Thanh T, sinh năm 1993, trú tại khối 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam 02 lần, mỗi lần 50.000 đồng.

- Bán cho Huỳnh Ngọc Q, sinh năm 1995, trú tại thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam khoảng 03 lần, mỗi lần 50.000 đồng.

- Bán cho Lê Quang T, sinh năm 1997, trú tại thôn L, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam khoảng 02 đến 03 lần, mỗi lần 50.000 đồng.

- Bán cho Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng.

- Bán cho nhóm các đối tượng gồm: Phạm Đình D, sinh năm 1997, trú tại khối 5, thị trấn N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Nguyễn Đức Quý A, sinh năm 2000, trú tại khối 5, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Võ Văn C, sinh năm 1997, trú tại khối 5, thị trấn N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Đặng Hữu T, sinh năm 1988, trú tại khối 5, thị trấn N, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Nguyễn Thành C, sinh năm 1995, trú tại khối 5, thị trấn N, huyện

Núi Thành, tỉnh Quảng Nam; Trần Anh B, sinh năm 1999, trú thôn T, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tổng cộng khoảng 40 lần, mỗi lần từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng.

- Ngoài ra Q còn bán cho 05 đối tượng khác nữa, nhưng Q không nhớ tên, lai lịch của họ.

Tang vật tạm giữ: 5,484 gam phần thân, lá của cây thực vật khô còn lại sau giám định và bao gói mẫu vật. (*Toàn bộ mẫu vật hoàn trả được niêm phong trong phong bì số 285/C54C(Đ4).*)

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 873/KLGĐTC ngày 18/12/2017 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung kết luận khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị can Phạm Hồng Q như sau:

* Tại thời điểm trước lúc gây án:

- Về mặt y học: Tâm thần phân liệt thể paranoide tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.03).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

* Tại thời điểm gây án:

- Về mặt y học: Tâm thần phân liệt thể paranoide tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.03), hội chứng nghiện chất tác động tâm thần khác (F19.2).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

* Tại thời điểm hiện tại:

- Về mặt y học: Tâm thần phân liệt thể paranoide tiến triển từng giai đoạn có thuyên giảm (F20.03), hội chứng nghiện chất tác động tâm thần khác hiện đang cai trong môi trường được bảo vệ (F19.21). Đối tượng cần được điều trị ngoại trú liên tục và cách ly ma túy.

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 03/QĐ-VKS ngày 10/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã truy tố bị cáo Phạm Hồng Q về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị: Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hồng Q phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng khoản 1 Điều 194, các điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Hồng Q từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: tịch thu tiêu hủy 5,484 gam phần thân, lá của cây thực vật khô còn lại sau giám định và bao gói mẫu vật. (*Toàn bộ mẫu vật được niêm phong trong phong bì số 285/C54C(Đ4), dán kín và đóng 02 dấu giáp lai của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22/01/2018).*; truy thu số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính là 1.240.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Hồng Q thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Phạm Hồng Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, các điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Núi Thành, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Theo quy định tại tiết 1.4 điểm 1 mục 1 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 08/2015/ TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14-11-2015 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24-12-2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *"Nếu chất giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy"*.

[3]. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Hồng Q khai nhận: vào khoảng cuối năm 2014 đến ngày 21/4/2017, bị cáo đã nhiều lần mua loại ma túy cỏ (lá của cây khô cắt nhỏ) của một người tên T để về sử dụng và bán lại cho Huỳnh Thanh T 02 lần, mỗi lần 50.000 đồng; bán cho Huỳnh Ngọc Q khoảng 03 lần, mỗi lần 50.000 đồng; bán cho Lê Quang T từ 02 đến 03 lần, mỗi lần 50.000 đồng; bán cho Huỳnh Ngọc C từ 03 đến 04 lần, mỗi lần từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng; bán cho nhóm các đối tượng gồm: Phạm Đình D, Nguyễn Đức Quý A, Võ Văn C, Đặng Hữu T, Nguyễn Thành C, Trần Anh B tổng cộng khoảng 40 lần, mỗi lần từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi, bị cáo ý thức rõ loại cỏ mà bị cáo mua bán là chất ma túy vì khi sử dụng gây ảo giác, lâng lâng và muốn sử dụng, khi mua bán thì lén lút thực hiện vì sợ bị bắt.

[4]. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc lập ngày 21/4/2017 của Công an huyện Núi Thành, bản kết luận giám định số 285/ C54C(Đ4) ngày

10/5/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Hồng Q phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*", theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy: AMB-FUBINACA là một loại cần sa tổng hợp, tuy chưa có trong danh mục các chất ma túy và tiền chất do Chính phủ Việt Nam quy định, nhưng đây là chất kích thích, việc sử dụng sẽ ảnh hưởng đến hệ thần kinh của con người, gây ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân người sử dụng và trật tự an toàn xã hội. Bản thân bị cáo đã sử dụng nên nhận thức rất rõ tác hại của nó, nhưng để có tiền tiếp tục mua sử dụng cho bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật, mua và bán lại nhiều lần cho nhiều người. Hành vi của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, nên cần xử phạt nghiêm nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận luận cứ của người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử cho bị cáo được hưởng án treo.

[6]. Tuy nhiên xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, bị cáo có cha Phạm M, mẹ Lê Thị L được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy luận cứ của người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử xét tịch thu tiêu huỷ 5,484 gam phần thân, lá của cây thực vật khô còn lại sau giám định và bao gói mẫu vật. (Toàn bộ mẫu vật được niêm phong trong phong bì số 285/C54C(Đ4), dán kín và đóng 02 dấu giáp lai của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22/01/2018.); tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.240.000 đồng theo bị cáo khai do bán ma túy có được là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Đối với Đối với các đối tượng Phạm Đình D, Võ Văn C, Nguyễn Đức Quý A, Huỳnh Ngọc Q, Nguyễn Thành C, Trần Anh B, Đặng Hữu T, Huỳnh Ngọc C, Lê Quang T, Huỳnh Thanh T đã mua ma túy của Phạm Hồng Q để sử dụng là hành vi vi phạm hành chính nên Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Thành, Công an xã Tam Nghĩa và Công an huyện Núi Thành đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với Phạm Duy A đã bán ma túy dạng đá cho Huỳnh Ngọc C đã bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đưa ra xét xử trong một vụ án khác nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên T và các đối tượng có liên quan khác, cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không xác định được lai lịch cụ thể, nên không đề cập xử lý.

[9]. Bị cáo Phạm Hồng Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng Q phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Q 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ 5,484 gam phần thân, lá của cây thực vật khô còn lại sau giám định và bao gói mẫu vật. (Toàn bộ mẫu vật được niêm phong trong phong bì số 285/C54C(Đ4), dán kín và đóng 02 dấu giáp lai của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 22/01/2018).

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.240.000 đồng là tiền mà bị cáo Phạm Hồng Q bán trái phép chất ma túy có được

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong mà bị cáo Phạm Hồng Q không chịu thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bị cáo Phạm Hồng Q phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Phạm Hồng Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nho Hoàng